

KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC VÀ TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

TRƯỜNG THPT ÂU CƠ
TỔ: SỬ-ĐỊA-GDCD-TDQP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

I. KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT, LỚP 11 NĂM HỌC 2024-2025

1. Đặc điểm tình hình

1.1. Số lớp: 03 ; Số học sinh: 106; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có): 37

1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 03 ; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 0, Đại học: 03 ; Trên đại học: 0

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ¹: Tốt: 03 ; Khá: 0 ; Đạt: 0 ; Chưa đạt: 0

1.3. Thiết bị dạy học: (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng trong các tiết dạy; yêu cầu nhà trường/bộ phận thiết bị chủ động cho tổ chuyên môn; đặc biệt các đồ dùng dạy học dùng cho việc đổi mới phương pháp dạy học)

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thực hành	Ghi chú
1	Phần giáo dục kinh tế	4		
	- Bộ tranh minh họa về các hoạt động cạnh tranh, cung cầu,	2		
	- Máy chiếu, video về các hoạt động lao động và việc làm	3		
	- Sơ đồ tư duy về các ý tưởng kinh doanh	1		
2	Phần giáo dục pháp luật	1		
	- Các văn bản pháp luật về các quyền và nghĩa vụ của công dân	1		
	- Các văn bản pháp luật về hoạt động tự do tín ngưỡng tôn giáo	1		

1.4. Phòng học bộ môn/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng nghe nhìn	1	Thực hiện báo cáo về hoạt động lao động việc làm	
2	Phòng nghe nhìn	1	Có thể sử dụng để tổ chức các hoạt động liên quan đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân	

2. Kế hoạch dạy học²

2.1. Phân phối chương trình

¹ Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

² Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn

PHẦN 1: SÁCH GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT
HỌC KỲ I (18 tuần x 2 tiết/1 tuần), HỌC KỲ II (17 tuần x 2 tiết/1 tuần)

Tiết	Bài dạy/chủ đề
PHẦN 1: GIÁO DỤC KINH TẾ	
Tiết 1 2 3	Bài 1: Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường
Tiết 4 5 6	Bài 2: Cung - cầu trong nền kinh tế thị trường
Tiết 7 8 9	Bài 3: Lạm phát
Tiết 10 11 12	Bài 4: Thất nghiệp
Tiết 13 14 15 16	Bài 5: Thị trường lao động và việc làm
Tiết 17	Bài ôn tập giữa kỳ 1
Tiết 18	Bài kiểm tra giữa kỳ 1 (Giới hạn kiểm tra từ bài 1- 5)
Tiết 19 20 21 22 23 24	Bài 6: Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh
Tiết 25 26 27 28 29	Bài 7: Đạo đức kinh doanh
Tiết 30 31 32 33 34	Bài 8: Văn hoá tiêu dùng
Tiết 35	Bài ôn tập cuối kỳ 1
Tiết 36	Bài kiểm tra cuối kỳ 1 (Giới hạn kiểm tra từ bài 1-8)
PHẦN 2: GIÁO DỤC PHÁP LUẬT	
Tiết 37 38 39	Bài 9: Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật
Tiết 40 41 42	Bài 10: Bình đẳng giới trong các lĩnh vực
Tiết 43 44	Bài 11: Quyền bình đẳng giữa các dân tộc
Tiết 45 46	Bài 12: Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo
Tiết 47 48	Bài 13: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội
Tiết 49 50	Bài 14: Quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử
Tiết 53	Bài ôn tập giữa kỳ 2
Tiết 54	Bài kiểm tra giữa kỳ 2 (Giới hạn kiểm tra từ bài 9 - 14)
Tiết 51 52 55	Bài 15: Quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo
Tiết 56 57	Bài 16: Quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc
Tiết 58 59 60	Bài 17: Quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của công dân
Tiết 61 62	Bài 18: Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân
Tiết 63 64	Bài 19: Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân
Tiết 65 66	Bài 20: Quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin
Tiết 67 68	Bài 21: Quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo

Tiết 69	Bài ôn tập cuối kỳ 2
Tiết 70	Bài kiểm tra cuối kỳ 2 (Giới hạn kiểm tra từ bài 9 - 21)

**PHẦN 2: SÁCH CHUYÊN ĐỀ GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT
HỌC KỲ I (18 tuần x 1 tiết/1 tuần), HỌC KỲ II (17 tuần x 1 tiết/1 tuần)**

Tiết	Bài dạy/chủ đề
CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP 1: PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ SỰ BIẾN ĐỔI MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN	
Tiết 1 2 3 4 5 6 7	Bài 1: Tác động tiêu cực và nguyên nhân phát sinh tác động của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên
Tiết 8 9 10 11 12 13 14 15	Bài 2: Sự cần thiết và biện pháp giải quyết vấn đề tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên
CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP 2: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHÁP LUẬT DÂN SỰ	
Tiết 16 17 18	Bài 3: Khái niệm, các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự
Tiết 19 20 21	Bài 4: Một số chế định của pháp luật dân sự về nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự
Tiết 22 23	Bài 5: Một số chế định của pháp luật dân sự về hôn nhân và gia đình, thừa kế di sản
Tiết 24 25	Bài 6: Một số chế định của pháp luật dân sự về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ
CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP 3: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG	
Tiết 26 27 28	Bài 7: Khái niệm, các nguyên tắc cơ bản của pháp luật lao động
Tiết 29 30 31 32	Bài 8: Một số quy định của pháp luật lao động về hợp đồng lao động, tiền lương và thưởng, bảo hiểm xã hội
Tiết 33 34 35	Bài 9: Một số quy định của pháp luật lao động về tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động

2.2. Kế hoạch cụ thể và tổ chức thực hiện chương trình khối lớp 11 - Năm học 2024 - 2025

PHẦN 1: SÁCH GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

STT	Chủ đề (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
1	Bài 1: Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường	3	1. Về kiến thức - Nêu được khái niệm cạnh tranh - Giải thích được nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh. - Phân tích được vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế. 2. Về năng lực



		- Năng lực chung. + Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết tham gia các hình thức làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ nguyên nhân, vai trò của cạnh tranh + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được các thông tin, câu chuyện, tình huống và trường hợp trong bài học và thực tiễn cuộc sống liên quan đến vấn đề cạnh tranh trong kinh tế. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: Phân tích, đánh giá được hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong thực hiện cạnh tranh. + Năng lực phát triển bản thân: Tự đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu, khả năng, điều kiện của bản thân trong quan hệ cạnh tranh. + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu được kiến thức về cạnh tranh, chính sách, pháp luật của Nhà nước về cạnh tranh; giải thích được một cách đơn giản một số hiện tượng kinh tế về cạnh tranh 3. Về phẩm chất Trung thực và có trách nhiệm trong các mối quan hệ cạnh tranh. 4. Tích hợp quyền con người - Mức độ tích hợp: Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ ở yêu cầu cần đạt: Phê phán những biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh - Cách thức thực hiện: Giáo viên căn cứ vào nội dung bài học để tích hợp các quyền con người ở những nội dung sau: quyền tự do kinh doanh; nghĩa vụ đóng thuế theo luật định; quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập; quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; quyền và nghĩa vụ bảo vệ di sản văn hóa; quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ.
2	Bài 2: Cung - cầu trong nền kinh tế thị trường	3 1. Về kiến thức - Nêu được khái niệm cung, cầu và các nhân tố ảnh hưởng đến cung, cầu - Phân tích được mối quan hệ và vai trò của quan hệ cung – cầu trong nền kinh tế thị trường. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết tham gia các hình thức làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ mối quan hệ và vai trò của quan hệ cung – cầu trong nền kinh tế thị trường. + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được các thông tin, câu chuyện, tình huống và trường hợp trong bài học và thực tiễn cuộc sống liên quan đến quan hệ cung - cầu

			trong nền kinh tế thị trường. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc giải quyết quan hệ cung - cầu + Năng lực phát triển bản thân: Tự đánh giá được khả năng của bản thân trong việc phân tích quan hệ cung - cầu. + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: giải thích được một cách đơn giản một số hiện tượng kinh tế về cung - cầu đang diễn ra trong đời sống xã hội; vận dụng được kiến thức đã học để phân tích được mối quan hệ cung - cầu trong trường hợp cụ thể. 3. Về phẩm chất Trung thực và có trách nhiệm trong các mối quan hệ cung - cầu có liên quan.
3	Bài 3: Lạm phát	3	1. Về kiến thức - Nêu được khái niệm, liệt kê được các loại hình lạm phát. - Giải thích được nguyên nhân dẫn đến lạm phát. - Mô tả được hậu quả của lạm phát đối với nền kinh tế và xã hội. - Nêu được vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế lạm phát. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Năng lực giao tiếp và hợp tác: đánh giá hậu quả của lạm phát và vai trò của Nhà nước trong kiểm soát và kiểm chế lạm phát. + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được các thông tin, câu chuyện, tình huống và trường hợp trong bài học và thực tiễn cuộc sống liên quan đến vấn đề lạm phát. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện chủ trương, chính sách của Nhà nước để kiểm chế lạm phát + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: vận dụng được kiến thức đã học để phân tích vấn đề lạm phát trong trường hợp cụ thể. 3. Về phẩm chất - Yêu nước, tin tưởng vào đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước trong giải quyết vấn đề lạm phát. - Trung thực và có trách nhiệm trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Nhà nước để kiểm soát và kiểm chế lạm phát. 4. Tích hợp quyền con người - Mức độ tích hợp: Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ ở với các yêu cầu cần đạt sau: Nêu được

			chính sách của Nhà nước trong việc thực hiện các quyền về kinh tế, xã hội và văn hóa; phê phán các hành vi vi phạm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. - Cách thức thực hiện: Căn cứ vào nội dung bài học, giáo viên yêu cầu học sinh lấy các ví dụ để minh họa việc Nhà nước ta có các chính sách để giảm thiểu tác động tiêu cực của lạm phát tới đời sống con người qua đó giáo viên nhấn mạnh ý nghĩa của các chính sách này đối với thực hiện các quyền con người + Giáo viên yêu cầu học sinh lấy các ví dụ về hành vi vi phạm từ vấn đề lạm phát trên cơ sở đó phân tích để học sinh hiểu được những hành vi vi phạm này đã xâm phạm đến các quyền con người về kinh tế, xã hội và văn hóa.
4	Bài 4: Thất nghiệp	3	1. Về kiến thức - Nêu được khái niệm thất nghiệp, liệt kê được các loại hình thất nghiệp. - Giải thích được nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp. - Mô tả được hậu quả của thất nghiệp đối với nền kinh tế và xã hội. - Nêu được vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp. 2. Về năng lực. - Năng lực chung: + Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết tham gia các hình thức làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp. + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được các thông tin, câu chuyện, tình huống và trường hợp trong bài học và thực tiễn cuộc sống liên quan đến vấn đề thất nghiệp. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp. + Năng lực phát triển bản thân: Tự đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu, khả năng, điều kiện của bản thân trong giải quyết vấn đề thất nghiệp. + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: xử lý các hiện tượng trong đời sống xã hội liên quan đến thất nghiệp, đề xuất không bị rơi vào tình trạng thất nghiệp. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực và có trách nhiệm khi tham gia các hoạt động để tạo việc làm phù hợp với lứa tuổi. - Yêu nước, tin tưởng vào đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước trong giải quyết vấn đề thất nghiệp.
5	Bài 5: Thị trường lao động và việc làm	4	1. Về kiến thức - Nêu được các khái niệm: lao động, việc làm, thị trường lao động, thị trường việc làm.

			- Chỉ ra được mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm. - Nhận ra được xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường. 2. Về năng lực. - Năng lực chung: + Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết thảo luận các vấn đề liên quan đến thị trường lao động và việc làm. + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được các trường hợp trong bài học và thực tiễn cuộc sống liên quan đến thị trường lao động và việc làm. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: xác định được trách nhiệm hoàn thiện bản thân để tham gia thị trường lao động và lựa chọn được nghề nghiệp, việc làm phù hợp. + Năng lực phát triển bản thân: Tự đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu, khả năng, điều kiện của bản thân khi tham gia thị trường lao động, việc làm. + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: vận dụng được kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lí các hiện tượng trong đời sống xã hội liên quan đến lao động, việc làm, để có được việc làm phù hợp trong tương lai 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực và có trách nhiệm khi tham gia các hoạt động lao động để tạo việc làm phù hợp với lứa tuổi. - Yêu nước, tin tưởng vào đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước. 4. Tích hợp quyền con người - Mức độ tích hợp: Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ với yêu cầu cần đạt sau: Xác định được trách nhiệm hoàn thiện bản thân để tham gia thị trường lao động và lựa chọn được nghề nghiệp, việc làm phù hợp. - Cách thức thực hiện: Giáo viên yêu cầu học sinh rút ra được trách nhiệm của công dân trong việc tham gia thị trường lao động việc làm. Từ việc làm này, giáo viên giúp học sinh hiểu được, đây cũng chính là thực hiện các nội dung cơ bản của quyền con người, quyền của công dân trong việc thực hiện quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập; quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên.
6	Bài ôn tập giữa kỳ 1	1	a.Về mục tiêu: - Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở nửa đầu học học kỳ I lớp 11; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình - Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù

		hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học. - Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho bản thân. - Rèn luyện được kĩ năng khi xem xét, đánh giá các hiện tượng kinh tế, các hoạt động kinh tế của bản thân, của người khác, - HS có thái độ học tập đúng và điều chỉnh quá trình học tập của mình. b. Về năng lực - Năng lực chung: + <i>Tự chủ và tự học</i> để bổ sung kịp thời các kiến thức cơ bản phục vụ việc kiểm tra đánh giá. Biết lập kế hoạch tự học tự tìm kiếm kiến thức trong sách vở, thông qua sách báo và các nguồn tư liệu khác nhau để hoàn thành kế hoạch học tập và đạt kết quả cao nhất trong bài kiểm tra + <i>Giao tiếp và hợp tác</i> trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. + <i>Giải quyết vấn đề</i> và sáng tạo thông qua việc chủ động xây dựng những kế hoạch ôn tập hiệu quả để hoàn thành nhiệm vụ đặt ra. - Năng lực đặc thù: <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này c. Về phẩm chất: Trung thực: Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân. Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra.
8	Bài 6: Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh	6 1. Về kiến thức - Nêu được thế nào là ý tưởng kinh doanh và cơ hội kinh doanh. - Giải thích được tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh và xác định, đánh giá các cơ hội kinh doanh. - Nhận biết được tại sao cần có ý tưởng kinh doanh; các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh. - Chỉ ra được các năng lực cần thiết của người kinh doanh.

			2. Về năng lực - Năng lực chung: + Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trình bày các thông tin, ý tưởng trong thảo luận các vấn đề liên quan đến nội dung bài học. + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được các trường hợp trong bài học và thực tiễn cuộc sống liên quan đến vấn đề ý tưởng - Năng lực đặc thù: + Năng lực phát triển bản thân: Phân tích được ý tưởng kinh doanh và năng lực kinh doanh của bản thân. + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu được những kiến thức cơ bản về ý tưởng kinh doanh, cơ hội kinh doanh; xây dựng được ý tưởng kinh doanh dưới dạng bài tập thực hành. 3. Về phẩm chất Chăm chỉ, trung thực và có trách nhiệm trong việc tìm kiếm, xây dựng và xác định ý tưởng kinh doanh, cơ hội kinh doanh dưới dạng bài tập thực hành. 4. Tích hợp quyền con người - Mức độ tích hợp: Tích hợp liên hệ ở yêu cầu cần đạt sau: Chỉ ra năng lực cần thiết của người kinh doanh trong - Cách thức thực hiện: Từ việc tìm hiểu các năng lực cần thiết của việc kinh doanh, giáo viên nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp nhằm đảm bảo thực hiện các quyền cơ bản của con người như: quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập; quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên.
9	Bài 7: Đạo đức kinh doanh	5	1. Về kiến thức. Nêu được quan niệm, các biểu hiện và vai trò của đạo đức kinh doanh. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết tham gia các hình thức thảo luận các vấn đề về đạo đức kinh doanh. + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được các thông tin, câu chuyện, tình huống và trường hợp trong bài học và thực tiễn cuộc sống liên quan đến đạo đức kinh doanh + Năng lực tự chủ, tự học: Biết tìm tòi, học hỏi phẩm chất đạo đức của người kinh doanh - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm chuẩn mực đạo đức kinh doanh.

			+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: biết tìm tòi, học hỏi phẩm chất đạo đức của nhà kinh doanh; vận động người thân trong gia đình thực hiện đạo đức kinh doanh. 3. Về phẩm chất. Trung thực, có trách nhiệm thực hiện đạo đức kinh doanh khi có cơ hội được tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh. 4. Tích hợp quyền con người - Mức độ tích hợp: Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Phê phán được những biểu hiện vi phạm đạo đức kinh doanh. - Cách thức thực hiện: Trên cơ sở các đặc điểm về đạo đức kinh doanh, giáo viên giúp học sinh rút ra được những biểu hiện vi phạm đạo đức kinh doanh cũng chính là vi phạm quyền con người mà cần phải phê phán từ đó khẳng định tầm quan trọng của việc thực hiện đạo đức kinh doanh cũng như trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp nhằm đảm bảo các quyền: quyền được bảo đảm an sinh quyền tự do kinh doanh; xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập; quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên.
10	Bài 8: Văn hoá tiêu dùng	5	1. Về kiến thức. - Nêu được vai trò của tiêu dùng đối với sự phát triển kinh tế. - Nêu được khái niệm và vai trò của văn hoá tiêu dùng; mô tả được một số đặc điểm trong văn hoá tiêu dùng Việt Nam và các biện pháp xây dựng văn hoá tiêu dùng. 2. Về năng lực. - Năng lực chung: + Năng lực tự chủ, tự học: Biết tìm tòi, học hỏi, thực hiện được các hành vi tiêu dùng có văn hoá. + Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết tham trình bày các thông tin, ý tưởng trong thảo luận các vấn đề về văn hoá tiêu dùng. + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được các thông tin thực tiễn cuộc sống liên quan đến văn hoá tiêu dùng. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: xác định được trách nhiệm của bản thân và thực hiện tiêu dùng có văn hoá. + Năng lực phát triển bản thân: phê phán những biểu hiện không có văn hoá trong tiêu dùng; tuyên truyền, vận động bạn bè, người thân làm người tiêu dùng có văn hoá. + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: xử lí các hiện tượng trong đời sống xã hội liên quan đến tiêu dùng có văn hoá.

			3. Về phẩm chất - Trung thực và có trách nhiệm khi tham gia các hoạt động trong đời sống xã hội để trở thành người tiêu dùng có văn hoá. - Yêu nước, tin tưởng vào đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước trong quá trình xây dựng văn hoá tiêu dùng. 4. Tích hợp quyền con người - Mức độ tích hợp: <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ vào yêu cầu cần đạt:</i> Phê phán những biểu hiện không có văn hóa trong tiêu dùng; tuyên truyền, vận động bạn bè, người thân làm người tiêu dùng có văn hóa. - Cách thức thực hiện: Giáo viên yêu cầu lấy các ví dụ về văn hóa tiêu dùng của người Việt mà hướng tới các giá trị cao quý của con người. Từ xu hướng tiêu dùng này giáo viên nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tiêu dùng thông minh, tiêu dùng an toàn. Đây cũng chính là thực hiện quyền con người ở nội dung: Thực hiện quyền được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, thân thể; quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe.
11	Bài ôn tập cuối kỳ 1	1	1. Về mục tiêu: - Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở học kỳ I lớp 11; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình - Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học. - Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho bản thân. - Rèn luyện được kĩ năng khi xem xét, đánh giá các hiện tượng kinh tế, các hoạt động kinh tế của bản thân, của người khác, - HS có thái độ học tập đúng và điều chỉnh quá trình học tập của mình. 2. Năng lực - Năng lực chung: + <i>Tự chủ và tự học</i> để bổ sung kịp thời các kiến thức cơ bản phục vụ việc kiểm tra đánh giá. + <i>Giao tiếp và hợp tác</i> trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. + <i>Giải quyết vấn đề</i> và sáng tạo thông qua việc chủ động xây dựng những kế hoạch ôn tập hiệu quả để hoàn thành nhiệm vụ đặt ra. - Năng lực đặc thù: <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp

			khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường 3. Phẩm chất: <i>Trung thực:</i> Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra cuối kỳ để đạt kết quả cao <i>Trách nhiệm:</i> Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân. <i>Chăm chỉ:</i> Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra
13	Bài 9: Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật	3	1. Về kiến thức - Nêu được các quy định cơ bản pháp luật về quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật (bình đẳng về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý). - Nhận biết được ý nghĩa của quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật đối với đời sống con người và xã hội. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật. + Có khả năng giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những vấn đề liên quan đến quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: Phê phán, đấu tranh với những hành vi phân biệt đối xử giữa các công dân + Năng lực phát triển bản thân: thực hiện được và vận động, giúp đỡ người khác thực hiện được các quy định của pháp luật về bình đẳng của công dân trước pháp luật. + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: phân tích, đánh giá, xử lý các hiện tượng trong đời sống xã hội liên quan đến quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật. 3. Về phẩm chất Nhân ái, tôn trọng mọi người, có ý thức trách nhiệm trong việc thực hiện quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật.
14	Bài 10: Bình đẳng giới trong các lĩnh vực	3	1. Về kiến thức - Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật Việt Nam về bình đẳng giới. - Nhận biết được ý nghĩa của bình đẳng giới đối với đời sống của con người và xã hội.

		2. Về năng lực - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về bình đẳng giới trong các lĩnh vực. + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong thực hiện bình đẳng giới + Năng lực phát triển bản thân: Rút ra được bài học cho bản thân trong việc thực hiện quyền bình đẳng giới + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: bước đầu đưa ra các quyết định hợp lý và tham gia giải quyết được một số vấn đề về bình đẳng giới. 3. Về phẩm chất - Trung thực và có trách nhiệm khi thực hiện pháp luật về bình đẳng giới. - Nhân ái, yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về bình đẳng giới 4. Tích hợp quyền con người - Mức độ tích hợp: - <i>Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt:</i> Bình đẳng giới trong các lĩnh vực; Tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ các quyền bình đẳng giới trong các lĩnh vực; Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện các giới trong các lĩnh vực. - Cách thức thực hiện: + Trên cơ sở tìm hiểu các nội dung bình đẳng giới trên các lĩnh vực, giáo viên lồng ghép các nội dung về quyền con người như: Quyền bình đẳng trước pháp luật, quyền được làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội từ đó giúp học sinh đưa ra kết luận: Việc thực hiện quyền bình đẳng giới cũng chính là góp phần thực hiện tốt quyền con người.
15	Bài 11: Quyền bình đẳng giữa các dân tộc	2 1. Về kiến thức. - Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội. - Nhận biết được ý nghĩa quyền bình đẳng giữa các dân tộc đối với đời sống con người và xã hội. 2. Về năng lực. - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về quyền bình đẳng giữa các dân tộc. + Có khả năng giải quyết vấn đề và sáng tạo liên quan đến quyền bình đẳng giữa các dân

			tộc. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi phân biệt đối xử giữa các dân tộc trong các lĩnh vực. + Năng lực phát triển bản thân: tự đặt ra mục tiêu, kế hoạch rèn luyện để thực hiện tốt quyền bình đẳng giữa các dân tộc + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: phân tích, đánh giá, xử lý các hiện tượng trong đời sống xã hội liên quan đến quyền bình đẳng giữa các dân tộc. 3. Về phẩm chất - Có ý thức, trách nhiệm trong việc thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc. - Yêu quê hương, đất nước, tự hào về con người, về dân tộc của mình.
16	Bài 12: Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo	2	1. Về kiến thức - Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các tôn giáo về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý. - Nhận biết được ý nghĩa quyền bình đẳng giữa các tôn giáo đối với đời sống con người và xã hội. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về quyền bình đẳng giữa các tôn giáo. + Có khả năng giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: thực hiện quyền bình đẳng giữa các tôn giáo; + Năng lực phát triển bản thân: Rút ra được bài học cho bản thân trong việc thực hiện quyền bình đẳng giữa các tôn giáo. + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: có khả năng tham gia các hoạt động liên quan đến quyền bình đẳng giữa các tôn giáo. 3. Về phẩm chất - Có ý thức, trách nhiệm trong việc thực hiện quyền bình đẳng giữa các tôn giáo. - Yêu quê hương, đất nước, nhân ái với con người, tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mỗi người và quyền bình đẳng giữa các tôn giáo. 4. Tích hợp quyền con người - Mức độ tích hợp: - <i>Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt:</i> Tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ quyền bình đẳng giữa các tôn giáo; Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của

			bản thân và người khác trong việc thực hiện quyền bình đẳng giữa các tôn giáo. - Cách thức thực hiện: + Trên cơ sở tìm hiểu các nội dung quyền bình đẳng giữa các tôn giáo, giáo viên lồng ghép các nội dung về quyền con người như: Quyền bình đẳng trước pháp luật, quyền được làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội từ đó giúp học sinh đưa ra kết luận: Việc thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo cũng chính là góp phần thực hiện tốt quyền con người.
17	Bài 13: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội	2	1. Về kiến thức - Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội. - Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các hoạt động học tập. + Giải quyết vấn đề sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: điều chỉnh thái độ, hành vi phù hợp với quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội. + Năng lực phát triển bản thân: thực hiện được và vận động, giúp đỡ người khác thực hiện được các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội. + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: tham gia các hoạt động thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội 3. Về phẩm chất - Trung thực và có trách nhiệm khi thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội. - Nhân ái, yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội. 4. Tích hợp quyền con người - Mức độ tích hợp: - <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 2: Tôn trọng, bảo đảm</i>

			thực hiện và bảo vệ quyền của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội; Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện quyền của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội - Cách thức thực hiện: Giáo viên chỉ ra các hành vi của công dân trong việc thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, trên cơ sở đó chỉ rõ, việc thực hiện tốt quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội cũng chính là góp phần thực hiện quyền con người trên lĩnh vực chính trị.
18	Bài 14: Quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử	2	1. Về kiến thức - Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử. - Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các hoạt động học tập. + Giải quyết vấn đề sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ người khác thực hiện quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử. + Năng lực phát triển bản thân: thực hiện được và vận động, giúp đỡ người khác thực hiện được các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử. + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền, hoạt động thực hiện các quy định về bầu cử và ứng cử 3. Về phẩm chất - Trung thực và có trách nhiệm khi thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử. - Nhân ái, yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử. 4. Tích hợp quyền con người - Mức độ tích hợp: - <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 2:</i> Tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ quyền của công dân về bầu cử và ứng cử; Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện quyền của công dân về bầu cử

			và ứng cử - Cách thức thực hiện: Giáo viên chỉ ra các hành vi của công dân trong việc thực hiện quyền của công dân về bầu cử và ứng cử, trên cơ sở đó chỉ rõ, việc thực hiện tốt quyền của công dân về bầu cử và ứng cử cũng chính là góp phần thực hiện quyền con người trên lĩnh vực chính trị.
19	Bài ôn tập giữa kỳ 2	1	1) Về kiến thức Nêu được một số nội dung cơ bản về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong một số lĩnh vực của đời sống xã hội 2) Năng lực - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân - Năng lực đặc thù: + Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội : Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động nhằm thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của bản thân cũng như người khác + Năng lực điều chỉnh hành vi: Có ý thức tự giác tôn trọng các quyền và nghĩa vụ của người khác, đấu tranh với những hành vi vi phạm các quyền tự do cơ bản của công dân. 3) Phẩm chất Yêu nước: Tích cực, chủ động vận động người khác tham thực hiện các quyền và nghĩa vụ công dân theo quy định của pháp luật Trách nhiệm: Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ cơ bản của bản thân và người khác.
21	Bài 15: Quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo	3	1) Kiến thức - Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo - Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về về khiếu nại, tố cáo 2) Phẩm chất + Năng lực phát triển bản thân: thực hiện được và vận động, giúp đỡ người khác thực hiện được các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo. + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: phân tích, đánh giá được các quan điểm, các hành vi, xử lý được các tình huống đơn giản trong thực tiễn có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo 3) Về phẩm chất - Trung thực và có trách nhiệm khi thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo.

		- Nhân ái, yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo. 4. Tích hợp quyền con người - Mức độ tích hợp: - <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 2:</i> Tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ quyền của công dân về khiếu nại, tố cáo; Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện quyền của công dân về khiếu nại, tố cáo - Cách thức thực hiện: Giáo viên chỉ ra các hành vi của công dân trong việc thực hiện quyền của công dân về khiếu nại, tố cáo, trên cơ sở đó chỉ rõ, việc thực hiện tốt quyền của công dân về quyền của công dân về khiếu nại, tố cáo cũng chính là góp phần thực hiện quyền con người trên lĩnh vực chính trị.
22	Bài 16: Quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc	1. Về kiến thức - Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc. - Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc. + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các hoạt động học tập. + Giải quyết vấn đề sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc + Năng lực phát triển bản thân: tự đặt ra mục tiêu, kế hoạch rèn luyện để thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền, về bảo vệ Tổ quốc 3. Về phẩm chất - Trung thực và có trách nhiệm khi thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc. - Nhân ái, yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về

			quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc.
23	Bài 17: Quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân	3	1. Về kiến thức - Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân. - Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân. + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các hoạt động học tập. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: điều chỉnh thái độ, hành vi phù hợp với quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân. + Năng lực phát triển bản thân: Rút ra được bài học cho bản thân trong việc thực hiện quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: tham gia các hoạt động tuyên truyền bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân 3. Về phẩm chất - Trung thực và có trách nhiệm khi thực hiện các quy định của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân. - Nhân ái, yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân. 4. Tích hợp quyền con người - Mức độ tích hợp: - <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ với yêu cầu cần đạt:</i> Tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân; Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân. - Cách thức thực hiện: Giáo viên chỉ ra các hành vi của công dân trong việc thực hiện

			quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân, trên cơ sở đó chỉ rõ, việc thực hiện tốt quyền của công dân về bảo vệ Tổ quốc cũng chính là góp phần thực hiện quyền con người trên lĩnh vực dân sự.
24	Bài 18: Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân	2	1. Về kiến thức - Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân. - Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: Tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ người khác điều chỉnh thái độ, hành vi phù hợp với quy định của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân. + Năng lực phát triển bản thân: thực hiện được và vận động, giúp đỡ người khác thực hiện được các quy định của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân. + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Thực hiện các quy định của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân 3. Về phẩm chất - Trung thực và có trách nhiệm khi thực hiện các quy định của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân. - Nhân ái, yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân. 4. Tích hợp quyền con người - Mức độ tích hợp: - Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ với yêu cầu cần đạt: Tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân; Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân. - Cách thức thực hiện: Giáo viên chỉ ra các hành vi của công dân trong việc quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân, trên cơ sở đó chỉ rõ, việc thực hiện tốt quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân cũng chính là góp phần thực hiện quyền con người trên lĩnh vực dân sự.

25	Bài 19: Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân	2	1. Về kiến thức - Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật, thư tín, điện thoại, điện tín của công dân. - Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật, thư tín, điện thoại, điện tín của công dân. + Giải quyết vấn đề sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của HS trong việc thực hiện quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân; + Năng lực phát triển bản thân: Rút ra được bài học cho bản thân trong việc thực hiện quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân 3. Về phẩm chất - Trung thực và có trách nhiệm khi thực hiện các quy định của pháp luật về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật, thư tín, điện thoại, điện tín của công dân. - Nhân ái, yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật, thư tín, điện thoại, điện tín của công dân. 4. Tích hợp quyền con người - Mức độ tích hợp: - Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ với yêu cầu cần đạt: Tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân; Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân. - Cách thức thực hiện: Giáo viên chỉ ra các hành vi của công dân trong việc thực hiện quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân, trên cơ sở đó chỉ rõ, việc thực hiện tốt quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân cũng chính là góp phần thực hiện quyền con người trên lĩnh vực dân sự.
	Bài 20: Quyền và nghĩa vụ của công	2	1. Về kiến thức - Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự

ĐẠI
TR
TRUNG H
AU
OS

26	dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin		do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin. - Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin. + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các hoạt động học tập. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ người khác điều chỉnh thái độ, hành vi phù hợp với quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin. + Năng lực phát triển bản thân: Rút ra được bài học cho bản thân trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin 3. Về phẩm chất - Trung thực và có trách nhiệm khi thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin. - Nhân ái, yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin. 4. Tích hợp quyền con người - Mức độ tích hợp: - Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ với yêu cầu cần đạt: Tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin của công dân; Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin của công dân. - Cách thức thực hiện: Giáo viên chỉ ra các hành vi của công dân trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin của công dân, trên cơ sở đó chỉ rõ, việc thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin của công dân cũng chính là góp phần thực hiện quyền con người trên lĩnh vực dân sự.
27	Bài 21: Quyền và nghĩa vụ của công	2	1. Về kiến thức - Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự

dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo		do tín ngưỡng và tôn giáo. - Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo. + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các hoạt động học tập. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ người khác điều chỉnh thái độ, hành vi phù hợp với quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo. + Năng lực phát triển bản thân: Rút ra được bài học cho bản thân trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo. + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo 3. Về phẩm chất - Trung thực và có trách nhiệm khi thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo. - Nhân ái, yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo.
Bài ôn tập cuối kỳ 2	1	1. Về mục tiêu: - Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở học kỳ II lớp 11; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình - Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học. - HS có thái độ học tập đúng và điều chỉnh quá trình học tập của mình. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + <i>Tự chủ và tự học</i> để bổ sung kịp thời các kiến thức cơ bản phục vụ việc kiểm tra đánh giá. Biết lập kế hoạch tự học tự tìm kiếm kiến thức trong sách vở, thông qua sách báo và các nguồn tư liệu khác nhau để hoàn thành kế hoạch học tập và đạt kết quả cao nhất trong bài kiểm tra + <i>Giao tiếp và hợp tác</i> trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

		- Năng lực đặc thù: <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những hiện tượng, liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động đó <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, chủ động thực hiện các quyền và nghĩa vụ công dân của bản thân và người khác 3. Về phẩm chất: <i>Trung thực:</i> Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra cuối kỳ để đạt kết quả cao <i>Trách nhiệm:</i> Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân. <i>Chăm chỉ:</i> Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra.
--	--	---

PHẦN 2: SÁCH CHUYÊN ĐỀ GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 11

STT	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
1	Bài 1: Tác động tiêu cực và nguyên nhân phát sinh tác động của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên	7	1. Về kiến thức - Nêu được những tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên. - Xác định được nguyên nhân phát sinh những tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết tham gia các hình thức làm việc nhóm phù hợp + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được các trường hợp liên quan đến vấn đề tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong việc bảo vệ môi trường tự nhiên trước tác động tiêu cực của phát triển kinh tế. + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: giải thích được một cách đơn giản một số hiện tượng phát triển kinh tế tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên. 3. Về phẩm chất - Rèn luyện được tính chăm chỉ, trung thực và có trách nhiệm trong việc tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường tự nhiên trước tác động của phát triển kinh tế. - Thể hiện được tinh thần yêu nước, yêu thiên nhiên, bảo vệ môi trường tự nhiên, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam tươi đẹp.

2	Bài 2: Sự cần thiết và biện pháp giải quyết vấn đề tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên	8	1. Về kiến thức - Giải thích được sự cần thiết phải giải quyết vấn đề tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên. - Đánh giá được một số biện pháp và chính sách đang áp dụng trong thực tế nhằm khắc phục và hạn chế tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Năng lực giao tiếp và hợp tác: trình bày các thông tin, ý tưởng trong thảo luận, đánh giá một số biện pháp, chính sách nhằm khắc phục, hạn chế tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên. + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được trường hợp liên quan đến sự cần thiết và biện pháp giải quyết vấn đề tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm trong việc bảo vệ môi trường tự nhiên trước tác động của phát triển kinh tế. + Năng lực phát triển bản thân: Tham gia bảo vệ môi trường tự nhiên trước tác động của phát triển kinh tế. + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu được kiến thức khoa học về tác động của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên 3. Về phẩm chất - Rèn luyện được tính chăm chỉ, trung thực và có trách nhiệm trong việc tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường tự nhiên trước tác động của phát triển kinh tế. - Thể hiện được tinh thần yêu nước, yêu thiên nhiên, bảo vệ môi trường tự nhiên, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam tươi đẹp.
3	Bài 3: Khái niệm, các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự	3	1. Về kiến thức. Nêu được khái niệm, các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với những nguyên tắc của pháp luật dân sự

			+ Năng lực phát triển bản thân: thực hiện được và vận động, giúp đỡ người khác thực hiện được các quy định của pháp luật về các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự. + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu được một số nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự 3. Về phẩm chất - Trung thực và có trách nhiệm khi thực hiện các nguyên tắc của pháp luật dân sự. - Nhân ái, yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các nguyên tắc của pháp luật dân sự.
4	Bài 4: Một số chế định của pháp luật dân sự về nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự	3	1. Về kiến thức - Nêu được một số chế định cụ thể của pháp luật dân sự về nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự. - Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự trong các tình huống cụ thể đơn giản thường gặp. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm các quy định của pháp luật về nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự. + Năng lực phát triển bản thân: Rút ra được bài học cho bản thân trong việc thực hiện một số quy định của pháp luật dân sự về nghĩa vụ dân sự. + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: bước đầu đưa ra các quyết định hợp lý bằng các hành vi, việc làm phù hợp với các quy định của pháp luật về nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự. 3. Về phẩm chất - Trung thực và có trách nhiệm khi thực hiện các quy định của pháp luật về nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự. - Nhân ái, yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự.
5	Bài 5: Một số chế định của pháp luật dân sự về hôn nhân và gia đình, thừa kế	2	1. Về kiến thức - Nêu được một số chế định của pháp luật dân sự về hôn nhân và gia đình, thừa kế di sản. - Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật dân sự trong các tình huống cụ thể, đơn giản thường gặp liên quan đến hôn nhân và gia đình, thừa kế di sản.

	di sản		2. Về năng lực - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về hôn nhân và gia đình, thừa kế di sản. + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến hôn nhân và gia đình, thừa kế di sản. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: Thực hiện các việc làm phù hợp với quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, thừa kế di sản; + Năng lực phát triển bản thân: Rút ra được bài học cho bản thân trong việc thực hiện một số quy định của pháp luật dân sự về hôn nhân và gia đình, thừa kế di sản. + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu được các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, thừa kế di sản; giải thích được một cách đơn giản 3. Về phẩm chất - Trung thực và có trách nhiệm khi thực hiện các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, thừa kế di sản. - Nhân ái, yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, thừa kế di sản.
6	Bài 6: Một số chế định của pháp luật dân sự về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ	2	1. Về kiến thức - Nêu được một số chế định của pháp luật dân sự về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ. - Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm luật dân sự trong các tình huống cụ thể, đơn giản thường gặp liên quan đến sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ + Năng lực phát triển bản thân: Rút ra được bài học cho bản thân trong việc thực hiện một số quy định của pháp luật dân sự về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu được các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ 3. Về phẩm chất

			- Trung thực và có trách nhiệm khi thực hiện các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ. - Nhân ái, yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ.
7	Bài 7: Khái niệm, các nguyên tắc cơ bản của pháp luật lao động	3	1. Về kiến thức Nêu được khái niệm, nguyên tắc cơ bản của pháp luật lao động. 2. Về năng lực - Năng lực chung. + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của pháp luật lao động. + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong thực hiện các nguyên tắc cơ bản của pháp luật lao động + Năng lực phát triển bản thân: Rút ra được bài học cho bản thân trong việc thực hiện các nguyên tắc cơ bản của pháp luật lao động + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu được một số nguyên tắc cơ bản của pháp luật lao động 3. Về phẩm chất - Trung thực và có trách nhiệm khi thực hiện các nguyên tắc cơ bản của pháp luật lao động. - Nhân ái, yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các nguyên tắc cơ bản của pháp luật lao động.
	Bài 8: Một số quy định của pháp luật lao động về hợp đồng lao động, tiền lương và thưởng, bảo hiểm xã hội	4	1. Về kiến thức - Nêu được một số quy định của pháp luật lao động về hợp đồng lao động, tiền lương và thưởng, bảo hiểm xã hội. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về hợp đồng lao động, tiền lương, thưởng và bảo hiểm xã hội. + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với quy định của pháp luật về hợp đồng lao động, tiền lương, thưởng và bảo hiểm xã hội + Năng lực phát triển bản thân: Rút ra được bài học cho bản thân trong việc thực hiện một số quy định của pháp luật lao động về hợp đồng lao động, tiền lương và thưởng, bảo hiểm xã

			hội; + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu được các quy định của pháp luật về hợp đồng lao động, tiền lương, thưởng và bảo hiểm xã hội 3. Về phẩm chất - Trung thực và có trách nhiệm khi thực hiện các quy định của pháp luật về hợp đồng lao động, tiền lương, thưởng và bảo hiểm xã hội. - Nhân ái, yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về hợp đồng lao động, tiền lương, thưởng và bảo hiểm xã hội.
	Bài 9: Một số quy định của pháp luật lao động về tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động	3	1. Về kiến thức Nêu được một số quy định của pháp luật lao động về tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động. + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với quy định của pháp luật về tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động + Năng lực phát triển bản thân: thực hiện được và vận động, giúp đỡ người khác thực hiện được một số quy định của pháp luật lao động về tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động. + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: đưa ra các quyết định hợp lý và tham gia giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng bằng các hành vi, việc làm phù hợp 3. Về phẩm chất - Trung thực và có trách nhiệm khi thực hiện các quy định của pháp luật về tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động. - Nhân ái, yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động.

2.3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
------------------------	---------------	---------------	---------------------	---------------



Giữa Học kỳ 1	1 tiết	Tuần 9	1.Kiến thức: - Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở nửa đầu học học kỳ I lớp 11; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình - Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học. - Rèn luyện được kĩ năng khi xem xét, đánh giá các hiện tượng kinh tế, các hoạt động kinh tế của bản thân, của người khác, 2. Năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này 2. Phẩm chất: <i>Trung thực:</i> Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao <i>Trách nhiệm:</i> Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân. <i>Chăm chỉ:</i> Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra	Trắc nghiệm (70%) và tự luận (30%)
Cuối Học kỳ 1	1 tiết	Tuần 18	1.Kiến thức - Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong học kỳ I lớp 11; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình - Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học. - Rèn luyện được kĩ năng khi xem xét, đánh giá các hiện tượng kinh tế, các hoạt động kinh tế của bản thân, của người khác,	Trắc nghiệm (70%) và tự luận (30%)

			- HS có thái độ học tập đúng và điều chỉnh quá trình học tập của mình. 2. Năng lực - Năng lực đặc thù: <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này b. Phẩm chất: <i>Trung thực:</i> Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao <i>Trách nhiệm:</i> Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân. <i>Chăm chỉ:</i> Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra.	
Giữa Học kỳ 2	1 tiết	Tuần 27	1. Kiến thức: - Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở học kỳ II lớp 11; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình - Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học. - Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho bản thân. 2. Năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những hành vi thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, phê phán những hành vi vi phạm <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân, vận dụng những quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo quy định của pháp luật để hoàn thiện bản thân mình 3. Phẩm chất: <i>Trung thực:</i> Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao	Trắc nghiệm (70%) và tự luận (30%)

			<i>Trách nhiệm:</i> Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân. <i>Chăm chỉ:</i> Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến	
Cuối Học kỳ 2	1 tiết	Tuần 35	1. Kiến thức - Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở nửa đầu học học kỳ II lớp 11; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình - Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học. 2. Phẩm chất: Trung thực: Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân. Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra. 3. Năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những hành vi thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, phê phán những hành vi vi phạm <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân, vận dụng những quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo quy định của pháp luật để hoàn thiện bản thân mình	Trắc nghiệm (70%) và tự luận (30%)

3. Các nội dung khác:

- Sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học
- Tham gia thi giáo viên dạy giỏi cấp trường
- Tập huấn chuyên môn theo kế hoạch của Sở GD
- Đăng kí danh hiệu thi đua: Tổ lao động xuất sắc.

II. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN NĂM HỌC 2024-2025

1. Khối lớp: 11; Số học sinh: 106

STT	Chủ đề (1)	Yêu cầu cần đạt (2)	Số tiết	Thời điểm	Địa điểm	Chủ trì (6)	Phối hợp (7)	Điều kiện thực hiện
-----	---------------	------------------------	------------	--------------	-------------	----------------	-----------------	------------------------

			(3)	(4)	(5)			(8)
1	Tìm hiểu về thị trường lao động và việc làm trên địa bàn địa phương nơi em sinh sống	- Nêu được tình hình việc làm, lao động tại địa phương. - Nhận biết được một số xu hướng tuyển dụng lao động và việc làm. - Lựa chọn được nghề nghiệp tương lai sau khi ra trường.	3	Tuần 11 tháng 11 năm 2023	Phòng nghe nhìn	Tổ trưởng, Nhóm trưởng bộ môn, Giáo viên giảng dạy	Ban giám hiệu, Đoàn TN, Giáo viên chủ nhiệm.	Cơ sở vật chất, loa, máy tính, mic, máy chiếu, bộ tranh ảnh liên quan)
2	Tìm hiểu việc thực hiện quyền khiếu nại và tố cáo ở địa phương	- Nêu được tình hình thực hiện quyền khiếu nại và tố cáo ở địa phương - Nhận biết được vai trò của việc thực hiện tốt quyền khiếu nại, tố cáo ở địa phương - Tham gia phát huy quyền dân chủ tại địa phương	3	Tuần 25 tháng 03 năm 2024	Phòng nghe nhìn	Tổ trưởng, Nhóm trưởng bộ môn, Giáo viên giảng dạy	Ban giám hiệu, Đoàn TN, Giáo viên chủ nhiệm.	Cơ sở vật chất, loa, máy tính, mic, máy chiếu, bộ tranh ảnh liên quan)

(2) Yêu cầu (mức độ) cần đạt của hoạt động giáo dục đối với các đối tượng tham gia.

(3) Số tiết được sử dụng để thực hiện hoạt động.

(4) Thời điểm thực hiện hoạt động (tuần/tháng/năm).

(5) Địa điểm tổ chức hoạt động (phòng thí nghiệm, thực hành, phòng đa năng, sân chơi, bãi tập, cơ sở sản xuất, kinh doanh, tại di sản, tại thực địa...).

(6) Đơn vị, cá nhân chủ trì tổ chức hoạt động.

(7) Đơn vị, cá nhân phối hợp tổ chức hoạt động.

(8) Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục, học liệu...



DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG

Trần Văn Nghĩa

Đông Giang, ngày 30 tháng 8 năm 2024

TỔ TRƯỞNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Minh Sơn



